

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 171/2022/DS-PT
Ngày: 19 - 7 - 2022
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Thanh Quốc**

Các Thẩm phán: Bà **Trương Thị Liên**

Ông **Nguyễn Văn Hải**

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Đức - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:
Ông **Bùi Trung Nam** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 128/2022/TLPT-DS ngày 09 tháng 06 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2022/DSST ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Phong Điền bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 167/2022/QĐ-PT ngày 24 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Lê Ngọc A**, sinh năm: 1939

Người đại diện ủy quyền bà **Văn Thị S**, sinh năm: 1974. *(Có mặt)*

Cùng địa chỉ: Ấp Trường N 1, xã Trường Xuân A, huyện Thới L, thành phố Cần Thơ

(Giấy ủy quyền ngày 05/10/2020)

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm: 1961 *(Có mặt)* và bà **Nguyễn Thị Nh (Nh)**, sinh năm: 1957 *(Vắng mặt)*

Cùng địa chỉ: Ấp Trường Th 2, xã Trường L, huyện Ph Đ, thành phố Cần Thơ

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Lê Văn Đ**, sinh năm: 1965. *(Có mặt)*

2. Bà **Văn Thị Nh**, sinh năm: 1965. *(Có mặt)*

Cùng địa chỉ: ấp Trường Kh, xã Trường L, huyện Phong Đ, thành phố Cần
Thơ

3. Ông Nguyễn Thành N, sinh năm: 1983. (*Vắng mặt*)

4. Bà Thái Như Th, sinh năm: 1985. (*Vắng mặt*)

Cùng địa chỉ: ấp Trường Th 2, xã Trường L, huyện Ph Đ, thành phố Cần Thơ.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Văn H kháng cáo

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo khởi kiện ngày 22/8/2020, 10/11/2020 của nguyên đơn cũng như ý kiến của người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như lời trình bày tại phiên tòa:

Nguyên trước đây do mối quan hệ quen biết giữa ông H, bà Nh với người cháu gái Văn Thị Sang, nên ngày 04/3/2013 (âm lịch) bà A cho vợ chồng ông H, bà Nh vay số tiền 80.000.000 đồng, tiền lãi 2.400.000 đồng/ tháng, đồng thời vợ chồng ông H, bà Nh có đưa bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00442 để làm tin, số tiền 80.000.000đ thì bà A đã đưa trực tiếp tại nhà bà A cho vợ chồng ông H, bà Nh. Sau khi vay thì vợ chồng ông H, bà Nh có gửi tiền lãi cho bà Sang, đóng 02 tháng tiền lãi là 4.800.000đ. Sau đó ngưng đóng lãi, không trả vốn cho đến nay. Bà A đã nhiều lần yêu cầu ông H, bà Nhuần trả tiền lãi và gốc nhưng nay ông H không thừa nhận có nợ số tiền trên.

Bà A vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu vợ chồng ông H, bà Nh trả số tiền đã vay là 142.400.000đ trong đó gốc 80.000.000đ và tiền lãi 62.400.000 đồng (lãi suất 1%/tháng). Trước đây khi Tòa án hòa giải ông H, bà Nh đồng ý trả một lần thì bà A yêu cầu trả số tiền vốn 80.000.000 đồng và 10.000.000 đồng tiền lãi. Các bên đã thống nhất với nhau, ông H đồng ý trả số tiền vốn lãi tổng cộng là 90.000.000 đồng cho bà A. Nhưng sau đó ông H thay đổi ý kiến nên Tòa án không ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận.

Tại phiên tòa ngày 19/02/2021, ông H không thừa nhận chữ ký tên trên giấy nhận nợ. Vì để chứng minh chứng cứ nguyên đơn cung cấp là đúng sự thật nên bà A xin hoãn phiên tòa và yêu cầu giám định chữ ký. Nay đã có kết quả giám định chữ ký, nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện. Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu các bị đơn hoàn trả số tiền vốn là 80.000.000 đồng, tiền lãi tính từ khi vay tiền đến ngày xét xử với lãi suất 1%/tháng là 72.000.000 đồng sau khi đã trừ phần lãi ông H đã đóng trước là 4.800.000 đồng.

Phía bị đơn – Nguyễn Văn H trình bày:

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa: Ông H không đồng ý với yêu cầu của bà A. ông H chỉ có nợ tiền số đề của ông Đ là 52.000.000đ nhưng không có khả năng trả nên ông Đ đã giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00442 của Hộ Nguyễn Văn H, hiện bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ai giữ thì ông không rõ. Riêng bà Năm (A) thì ông H không biết là ai, ông thừa nhận có ký tên trong hợp đồng hời nợ thế chấp giấy quyền sử dụng đất thổ cư nội dung là có vay số tiền 80.000.000 đồng tuy nhiên toàn bộ số tiền và giấy tờ bà Năm (A) giao cho bà N lấy hết không đưa cho ông H, việc đóng lãi 02 tháng mà bà Sang trình bày là không có.

Tại phiên tòa 19/02/2021 ông H khẳng định ông không biết bà A, không ký tên nhận tiền nên nguyên đơn đã yêu cầu Tòa án hoãn phiên tòa và trưng cầu giám định.

Tuy hôm nay, đã được Hội đồng xét xử công bố kết luận giám định nhưng H vẫn cho rằng bản thân ông không vay tiền của bà A nên không đồng ý trả vốn và lãi suất theo yêu cầu khởi kiện của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày tại phiên tòa.

Đồng thời, ông H cho biết giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00442 của Hộ Nguyễn Văn H thì hiện tại trong hộ chỉ còn ông là Nguyễn Văn H và vợ Nguyễn Thị Nh, các con của ông đã lập gia đình không còn chung sống với hai vợ chồng ông.

Ý kiến người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Lê Văn Đ trình bày: Ông chỉ biết ông H do người cùng địa phương, những gì ông H trình bày không đúng, do ông Đ không có cho ông H vay mượn tiền gì hết và ông Đ cũng không giữ bất kỳ giấy tờ đất đai nào của ông H. Sự việc trên đáng lý ra, hai bên đã thỏa thuận xong, nhưng phía ông H thay đổi ý kiến nên sự việc kéo dài và nay đã có kết luận giám định thì đề nghị Hội đồng xét xử theo đúng quy định.

- Bà Văn Thị N trình bày: Trước đây vào năm 2013 vợ chồng ông H-Nh có đến nhà bà N nhờ tìm người cầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay tiền. Bà N có giới thiệu cho em gái là Văn Thị Sang nhưng bà Sang không có tiền nên giới thiệu cho bà A. Khi vợ chồng ông H đến nhà bà A vay tiền có bà N chứng kiến, nhưng việc thỏa thuận vay và làm biên nhận nợ do ông H với bà A thực hiện nên bà N không biết. Bà N chỉ biết sau khi ông H, bà Nh ký xong biên nhận thì bà A giao số tiền 80.000.000 đồng cho vợ chồng ông H và bà A giữ bản chính giấy chứng nhận QSDĐ của ông H.

Tại xử bản án dân sự sơ thẩm số 03/2022/DSST ngày 28 tháng 01 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện Phong Điền đã tuyên:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Ngọc A.

Khi án có hiệu lực, buộc ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Nh phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà Lê Ngọc A số tiền 152.000.000 đồng (một trăm năm mươi hai triệu đồng) trong đó vốn là 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng), tiền lãi là 72.000.000 đồng (bảy mươi hai triệu đồng).

Nguyên đơn hoàn trả cho các bị đơn 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00442 cấp Hộ Nguyễn Văn H.

Trong trường hợp người có nghĩa vụ chậm thi hành khoản tiền phải thi hành thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành tại thời điểm thanh toán.

Chi phí giám định chữ ký: Các bị đơn phải chịu 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng), do nguyên đơn đã tạm ứng chi phí giám định nên các bị đơn phải hoàn trả lại cho nguyên đơn khi án có hiệu lực.

Án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho các bị đơn; Nguyên đơn Lê Ngọc A được nhận lại số tiền 3.560.000 đồng tạm ứng án phí theo phiếu thu số AA/2019/017777 ngày 25/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Tại đơn kháng cáo đề ngày 28/01/2022, của ông H yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết cho ông là không trả số tiền theo yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H giữ nguyên yêu cầu như đơn kháng cáo.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tại phiên tòa:

Về hoạt động tố tụng: Người hoạt động tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát phân tích chứng cứ, các tình tiết trong vụ án, căn cứ quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ tranh chấp và thụ lý vụ án đúng thẩm quyền.

[3] Về nội dung vụ án: Ông H cho rằng ông không có nợ tiền bà A, chỉ có vợ ông nợ ông Đ là 52.000.000 đồng nhưng do không có khả năng trả tiền vay cho ông Đ nên ông Đ đã giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00442 của Hộ Nguyễn Văn H, hiện bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ai giữ thì ông không rõ. Hội đồng xét xử xét thấy ông H trình bày nhưng không đưa ra được bất cứ chứng cứ nào để chứng minh về phần trình bày của mình. Ông trình bày vợ ông có nợ ông Đ số tiền 52.000.000 đồng, tại phiên tòa phúc thẩm ông Đ trình bày ông không có cho vợ chồng ông H và bà Nh vay tiền và thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như ông H trình bày.

[4] Ông H cho rằng ông không biết bà Năm (A) là ai, ông không có ký bất cứ giấy tờ nào với bà A. Tuy nhiên theo kết luận giám định số 91/KLGD-PC09 (TL) ngày 30/6/2021 đã kết luận chữ ký mang tên Nguyễn Văn H, phần dưới mục “người hỏi tiền” trên hợp đồng hỏi nợ thế chấp quyền sử dụng đất thổ cư, ghi ngày 04/3/2013 so với chữ ký Nguyễn Văn H các tài liệu mẫu M1-M23 do cùng một người ký ra. Tương tự đối với chữ viết Nguyễn Văn H cũng do một người viết ra, điều này xác

định ông H có ký tên vay tiền của bà A, điều này chứng minh giữa nguyên đơn và bị đơn có thực hiện hợp đồng vay tiền.

[5] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Nguyên đơn chứng minh được biên nhận nợ có chữ ký của bị đơn, mặc dù chữ ký trong biên nhận nợ không được bị đơn thừa nhận, nhưng chữ ký của bị đơn trong biên nhận nợ đã được cơ quan có thẩm quyền kết luận giám định số 91/KLGD-PC09(TL) ngày 30/6/2021 đã kết luận chữ ký mang tên Nguyễn Văn H, ngoài ra người làm chứng là ông Đ và bà N xác nhận có chứng kiến việc ông H vay và nhận tiền của nguyên đơn.

Về lãi suất: Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu số tiền lãi 1%/tháng là 72.000.000 đồng tính từ năm 2013 sau khi trừ số tiền lãi bị đơn đã đóng. Theo các chứng cứ đương sự cung cấp thể hiện các bên vay có thỏa thuận về lãi suất, nay nguyên đơn yêu cầu số tiền lãi mà bị đơn phải trả 1%/tháng là phù hợp với lãi suất tối đa không quá 13,5%/năm và tính lãi từ năm 2013 đến ngày xét xử là phù hợp Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 điều này cũng có lợi hơn cho các bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy cấp sơ thẩm xét xử đúng quy định pháp luật, người kháng cáo không cung cấp thêm chứng cứ mới, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông H. Do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, xét thấy bị đơn là người cao tuổi thuộc diện được miễn, giảm án phí. Hội đồng xét xử thống nhất miễn án phí cho ông H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn H.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 03/2022/DSST ngày 28 tháng 01 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện Phong Điền đã tuyên:

Căn cứ Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 288, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Ngọc A.

Buộc ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Nh (Nh) phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà Lê Ngọc A số tiền 152.000.000 đồng (một trăm năm mươi hai triệu

đồng) trong đó vốn là 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng), tiền lãi là 72.000.000 đồng (bảy mươi hai triệu đồng).

Nguyên đơn hoàn trả cho các bị đơn 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00442 cấp Hộ Nguyễn Văn H.

Trong trường hợp người có nghĩa vụ chậm thi hành khoản tiền phải thi hành thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành tại thời điểm thanh toán.

Chi phí giám định chữ ký: Các bị đơn phải chịu 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng), do nguyên đơn đã tạm ứng chi phí giám định nên các bị đơn phải hoàn trả lại cho nguyên đơn khi án có hiệu lực.

Án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho các bị đơn; Nguyên đơn Lê Ngọc A được nhận lại số tiền 3.560.000 đồng tạm ứng án phí theo phiếu thu số AA/2019/017777 ngày 25/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền.

Về án phí phúc thẩm: Nguyên đơn được miễn án phí phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND.TPCT;
- TAND huyện Phong Điền;
- THADS huyện Phong Điền;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thanh Quốc